

Bản án số: 204/2017/HSPT
Ngày 23/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Sơn.

Các thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở TAND tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 172/2017/HSPT ngày 13/7/2017 do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án số 209/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Minh T, sinh năm 1986 tại Đồng Nai.

Nơi đăng ký HKTT: tổ T, ấp Q, xã Q1, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trần Văn B, sinh năm 1956; con bà: Trần Thị Lệ T1, sinh năm 1961; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo được tại ngoại.

(Bị cáo Trần Thị Minh T có mặt tại phiên tòa; người bị hại bà Nguyễn Thị Kim A (địa chỉ: ấp Q2, xã Q1, huyện T, tỉnh Đồng Nai), chị Vũ Thị Thu T2 (địa chỉ: tổ B, ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai), chị Võ Thị Diệu A (địa chỉ liên hệ: Phòng trọ T9, ấp A, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), anh Dương Kim H (địa chỉ: Tổ 8, ấp L 3, xã T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai), chị Bùi Thị Bích N (địa chỉ: ấp Q2, xã Q1, huyện T, tỉnh Đồng Nai), anh Quách Thiện T3 (địa chỉ: ấp 9, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai) không có kháng cáo nên Tòa án không triệu tập).

NHẬN THẤY

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì nội dung của vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Minh T là công nhân của Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì V. Để có tiền tiêu xài, từ ngày 08/9/2014 đến ngày 17/10/2014, T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng cách giả vờ xin việc làm và xin điểm thi đầu các môn ở Trường Đại học L. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Tại Trung tâm môi giới việc làm Đ, địa chỉ: phường L, thành phố B, chị Võ Thị Diệu A, sinh năm 1991, HKTT: xóm T, xã T1, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nghe nói T là người có khả năng xin việc làm cho những người có nhu cầu, nên ngày 05/9/2014, chị Diệu A đã gặp T để nhờ xin vào làm việc tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai. Mặc dù không có khả năng xin được việc nhưng T vẫn nói với chị Diệu A đưa cho T số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ xin việc. Tưởng thật nên ngày 08/9/2014, tại Cơ sở đan lát, địa chỉ: tổ 13, khu phố 2, phường B, thành phố B nơi T thuê ở, chị Anh đã đưa cho T số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Sau khi nhận số tiền trên T đã tiêu xài hết.

Vụ thứ 2: Khoảng 15 giờ ngày 15/10/2014, Trần Thị Minh T gặp bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1957, ngụ tại: ấp Q2, xã Q1, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Qua nói chuyện với nhau T nói với bà Kim A có khả năng xin việc cho chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1993 (con gái bà Kim A) vào làm điều dưỡng tại Bệnh viện đa khoa Đ với chi phí 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), bà Kim A phải đưa trước 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để T gửi cho bác sĩ Lê Thị Phương T, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ Bệnh viện đa khoa Đồng Nai, sau khi xong việc thì giao hết tiền. Tưởng thật, khoảng 19 giờ cùng ngày, bà Kim A cùng chị N đến Cơ sở đan lát, địa chỉ: tổ 13, khu phố 2, phường B, thành phố B giao trước cho T số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) và 01 bộ hồ sơ xin việc của chị N, sau khi nhận tiền T yêu cầu chị N phải có mặt tại Bệnh viện đa khoa Đ vào ngày 16/10/2014 để người của T đưa đi phỏng vấn. Đúng hẹn chị N có mặt tại Bệnh viện đa khoa Đ nhưng không có ai đưa đi phỏng vấn nên chị N điện thoại thông báo cho bà Kim A biết và bà Kim A gọi điện cho T thì T lại hẹn chị N ngày 17/10/2014 có mặt tại Bệnh viện đa khoa Đồng Nai để đi phỏng vấn, chị N đến bệnh viện thì cũng không có ai đưa chị N đi phỏng vấn. Nghi ngờ T có hành vi chiếm đoạt tài sản, nên bà Kim A đòi tiền lại thì T nói dối số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) đã đưa cho bác sĩ T nên không thể lấy lại được. Số tiền chiếm đoạt được T tiêu xài hết.

Vụ thứ 3: Ngày 16/10/2014, chị Vũ Thị Thu T2, sinh năm 1993, thường trú tại: tổ B, ấp H, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai được chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1993, ngụ tại: 1668, ấp Q2, xã Q1, huyện T (là bạn chị T2) giới thiệu đến gặp T để nhờ xin việc làm. Ngày 17/10/2014, chị T2 đã gặp T tại quán cà phê K, địa chỉ: phường B, thành phố B để nhờ xin vào làm điều dưỡng tại Bệnh viện Đ. Thì T nói chi phí hết 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu chị T2 đưa trước số tiền 30.000.000 đồng (Ba

mười triệu đồng) còn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) khi nào xong việc thì sẽ đưa tiếp. Sau khi nhận tiền của chị T2, T tiêu xài hết.

Vụ thứ 4: Do được anh Hồ Công K (không rõ địa chỉ) là bạn của anh Dương Kim H, sinh năm 1979, HKTT: tổ T, ấp L 3, xã T, thành phố B giới thiệu đến gặp T để nhờ xin điểm nên ngày 19/02/2014, anh H gặp T tại quán cà phê S, địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố B nhờ T xin phúc khảo điểm thi tốt nghiệp 02 môn chuyên ngành Sức Bền và Bê tông do trường Đại học L tổ chức ngày 15/01/2014 mà anh H đã thi rớt. Thì T nói chi phí hết 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) và yêu cầu anh H đưa trước số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) còn lại 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) khi nào có kết quả đậu sẽ phải đưa tiếp. Sau khi nhận tiền T tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ 5: Chị Bùi Thị Bích N, sinh năm 1960, HKTT: ấp Q2, xã Q1, huyện T, tỉnh Đồng Nai có mối quan hệ quen biết với T (vì T ở cùng quê), ngày 10/3/2014 chị N gặp T tại quán cà phê A, địa chỉ: đường Đ, khu phố B, phường T, thành phố B để nhờ T xin điểm thi đậu 07 môn học gồm: Toán C1, Kinh tế quốc tế, Thuế, Quản trị sản xuất, Nguyên lý kế toán, Quy hoạch tuyến tính, Tài chính tiền tệ và lấy bằng TOEIC, chứng chỉ B vì tính cho con trai chị N là anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1991, Sinh viên trường đại học L. Thì T nói chi phí hết 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) và chị N đã đưa trước cho T số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) và đến tháng 6 năm 2014, đưa tiếp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho T còn lại 16.000.000 đồng (Mười sáu triệu đồng) khi nào có kết quả đậu và có bằng sẽ phải đưa tiếp. Sau khi nhận tiền T tiêu xài hết số tiền trên.

Vụ thứ 6: Do được anh Trần Hoàng V (không rõ địa chỉ) là bạn của anh Quách Thiện T3, sinh năm 1988, HKTT: 311, ấp 9, xã G, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai giới thiệu đến gặp T để nhờ xin điểm đậu của trường Đại học L, nên ngày 21/3/2014, anh T3 gặp T tại quán cà phê Vía hè thuộc phường B, thành phố B để nhờ T lo điểm thi đậu 03 môn Autocar, Đồ án kiến trúc và Nền móng thì T nói chi phí hết 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và yêu cầu anh T3 phải đưa trước 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) còn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) khi nào có kết quả đậu sẽ phải đưa tiếp. Sau khi nhận tiền T đã tiêu xài hết số tiền trên.

Sau khi giao tiền cho T nhưng không thấy T thực hiện như đã cam kết nên bà Nguyễn Thị Kim A, chị Vũ Thị Thu T2, chị Võ Thị Diệu A, anh Dương Kim H, chị Bùi Thị Bích N, anh Quách Thiện T3 đã nghi ngờ T có hành vi lừa đảo nên đã làm đơn tố cáo T gửi đến Công an phường B lập hồ sơ chuyển Công an thành phố Biên Hòa để điều tra. Qua điều tra ngày 03/10/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã khởi tố đối với Trần Thị Minh T để điều tra xử lý.

Tang vật thu giữ:

- 01 giấy nhận tiền ngày 15/10/2014 của T với chị Nguyễn Thị Thúy N; 01 giấy nhận tiền ngày 17/10/2014 của T với chị Vũ Thị Thu T2; 01 giấy mượn tiền ngày 08/9/2014 của T với chị Võ Thị Diệu A; 01 giấy mượn tiền

ngày 19/02/2014 của T với anh Dương Kim H; 01 giấy vay tiền ngày 10/3/2014 của T với chị Bùi Thị Bích Nga; 01 giấy mượn tiền ngày 21/3/2014 của T với anh Quách Thiện T3 đều có chữ ký của Trần Thị Minh T.

Về dân sự: Trần Thị Minh T đã trả lại số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Kim A; 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho chị Vũ Thị Thu T2; 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng) cho chị Võ Thị Diệu A; 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) cho anh Dương Kim H; 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho chị Bùi Thị Bích N; 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho anh Quách Thiện T3. Hiện chị Kim A, chị T2, chị Diệu A, anh H, chị N, anh T3 đã nhận lại tiền và không yêu cầu bồi thường.

Tại bản án sơ thẩm số 209/2017/HSST ngày 30/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Minh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án phạt tù.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 31/5/2017, bị cáo Trần Thị Minh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát: Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các bị cáo có đủ cơ sở xác định:

Bị cáo Trần Thị Minh T đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo, đã phạm vào tình tiết định khung tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự, Tòa án thành phố Biên Hòa đã xét xử bị cáo T với mức án 02 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm một số tình tiết đó là: Hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha bị cáo bị bệnh nặng, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và hiện bị cáo đang mang thai, những tình tiết này không có căn cứ để giảm nhẹ hình phạt, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của bị cáo, y án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo;

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Minh T khai nhận, bị cáo T đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy:

Từ tháng 02/2014 đến ngày 17/10/2014, bị cáo Trần Thị Minh T đã nhiều lần có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền số tiền 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) của bà Nguyễn Thị Kim A; 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của chị Vũ Thị Thu T2; 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu

đồng) của chị Võ Thị Diệu A; 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) của anh Dương Kim H; 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) của chị Bùi Thị Bích Nga và 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) của anh Quách Thiện T3 thì bị khởi tố xử lý. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt là 139.000.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu đồng).

Những tình tiết trên cho thấy hành vi của bị cáo Trần Thị Minh T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự. Hành vi trộm cắp của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, người bị hại chị Võ Thị Diệu A có đơn xin bãi nại cho bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử bị cáo 02 (Hai) năm tù là tương xứng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt và cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt của người bị hại Bà Bùi Thị Bích Nga có xác nhận của chính quyền địa phương, hoàn cảnh gia đình thật sự có khó khăn, cha bị cáo bị bệnh nặng, bị cáo hiện đang mang thai. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới HĐXX xem xét, do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, nên có căn cứ để HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Trần Thị Minh T, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Trần Thị Minh T 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.
Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh – VKSND huyện (2);
- B5 – Bị cáo (2);
- Công an H (1);
- TA H (2);
- THA H (1);
- PV 27 (1);
- Lưu (5);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thành Sơn